

LICOGI 13-FC

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Toà nhà LICOGI 13 - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 84-024. 35537509

Fax: 84-024. 35537510

Email: licogi13fc@gmail.com

Website: www.licogi13fc.com.vn

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CAPACITY PROFILE





LICOGI 13-FC

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Toà nhà LICOGI 13 - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 84-024. 35537509

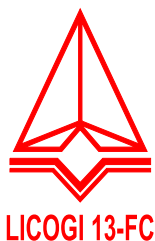
Fax: 84-024. 35537510

Email: licogi13fc@gmail.com

Website: www.licogi13fc.com.vn

PHẦN 1
THƯ' NGỎ
FOREWORDS

HÀ NỘI - 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Toà nhà LICOI 13 - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 84-024. 35537509

Fax: 84-024. 35537510

Email: licogi13fc@gmail.com

Website: www.licogi13fc.com.vn

THƯ NGỎ

Công ty Cổ phần LICOI13 - Nền móng xây dựng (*Tên giao dịch: LICOI13 - FC., JSC*) có trụ sở văn phòng ở Toà nhà LICOI 13, đường Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, là doanh nghiệp được kế thừa truyền thống và bề dày hơn 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công cơ giới, đã được khách hàng trong nước và ngoài nước biết đến là một nhà thầu chuyên nghiệp trong lĩnh vực thi công nền móng, phần ngầm, tầng hầm và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi,... Đặc biệt, chúng tôi đã tham gia thi công nhiều công trình trọng điểm quốc gia, những công trình có vốn đầu tư nước ngoài với yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao và tiến độ khẩn trương.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, tâm huyết, luôn có trách nhiệm với công việc, cùng với hệ thống máy móc thiết bị và công nghệ thi công tiên tiến, LICOI13-FC cam kết sẽ đem lại cho quý khách hàng những sản phẩm, công trình thi công có chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý.

Để có thêm thông tin chi tiết, xin tham khảo qua Website: www.licogi13fc.com.vn hoặc liên hệ trực tiếp với chúng tôi:

- Mr. **Lại Văn Mạc** - Tổng giám đốc

Mb: 0982.301.449

- Mr. **Vũ Trường Sơn** - Phó Tổng giám đốc

Mb: 094.202.8888

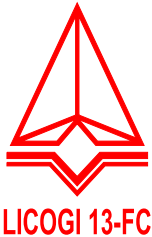
- Mr. **Nguyễn Xuân Hoàn** - Phó Tổng giám đốc

Mb: 0982.482.308

Chân thành cảm ơn !

Kính thư,

Lại Văn Mạc

	CÔNG TY CỔ PHẦN LICOI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG Địa chỉ: Toà nhà LICOI 13 - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội Tel: 84-024. 35537509 Fax: 84-024. 35537510 Email: licogi13fc@gmail.com Website: www.licogi13fc.com.vn
---	--

FOREWORD

LICOI 13 - Foundation Construction Joint Stock Company (Transaction name: LICOI13 - FC) whose head office in LICOI 13 building, Khuat Duy Tien, Thanh Xuan district, Hanoi is the company has over 50 years of experiences in the fields of construction and has been honored to be known by domestic and foreign Clients and Investors as a professional contractor specialized in Foundation construction, underground and completion of civil, industrial, traffic,... projects. There have been many National and Foreign - capitalized key projects have been executed by us with high requirement of technology, quality and rapid progress.

With experienced engineers, technicians and workers who have been working in projects with high responsibility together with effective machine and equipments, LICOI 13 - FC commit to provide you the works much better than your expectation with best quality and most reasonable price.

For further information, please visit our Website: www.licogi13fc.com.vn or directly contact me:

- | | |
|---|----------------------|
| - Mr. Lai Van Mac - General Director | Mobile: 0982.301.449 |
| - Mr. Vu Truong Son - Deputy General director | Mobile: 094.202.8888 |
| - Mr. Nguyen Xuan Hoan - Deputy General director | Mobile: 0982.482.308 |

Sincerely yours,

Lai Van Mac



CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG

Địa chỉ: Toà nhà LICOGI 13 - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 84-024. 35537509/35534378 Fax: 84-024. 35537510

Email: licogi13fc@gmail.com

Website: www.licogi13fc.com.vn

PHẦN 2

THÔNG TIN CHUNG

GENERAL INFORMATION

1. GIỚI THIỆU CHUNG - GENERAL INTRODUCTION.

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LICOI13 - NỀN MÓNG XÂY DỰNG**

Company's name: **LICOI13-FOUNDATIONCONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**

- Tên viết tắt / Abbreviated name: **LICOI 13 - FC, JSC.**

- Quyết định tách doanh nghiệp: **Năm 2007**

Decision of separating from LICOI13 JSC: **in 2007**

- Trụ sở: **Toà nhà LICOI13 - Khuất Duy Tiến - Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội.**

Head office: **LICOI13 building - Khuat Duy Tien street - Thanh Xuan - Hanoi**

- Tel : (84-024).3553 7509 Fax : (84-024).35537510

- Email : licogi13fc@gmail.com Website: licogi13fc.com.vn

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH - BUSINESS ACTIVITIES:

Tính chất công việc - <i>Description</i>		Số năm kinh nghiệm <i>Years of experiences</i> (Từ năm)
2.1	Thuộc công ty CP LICOI13, với ngành nghề truyền thống là công tác gia cố móng bằng phương pháp đóng cọc, ép cọc và khoan cọc nhồi, ...sau này khi tách lập công ty con đã kế thừa và phát huy toàn bộ công nghệ, nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực xử lý nền móng. <i>Being one of LICOI13's branches with the main business activities: Foundation construction by method of pile driving, pile pressing and pile boring...</i>	From 1960
2.2	Tách lập thành Công ty cổ phần LICOI 13 - Nền móng xây dựng với ngành nghề chuyên sâu trong thi công xử lý nền móng: Đúc cọc BTCT, đóng ép cọc BTCT, khoan cọc nhồi, tường vây, tường barrete, tường mềm chống thấm, cọc đất gia cố xi măng, cọc cát, đầu tư xây dựng tầng hầm, móng, hoàn thiện nhà cao tầng... <i>Separated from LICOI13 JSC to be an independent company-LICOI13-Foundation Construction JSC with professional activities in the fields of foundation construction & treatment: by RC pile production and driving, pressing, bored piles, boundary walls, barrette walls and diaphragm wall, soil cement mixed column, sand piles, underground, foundation of high building...</i>	From 2007 up to now

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102326515

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 07 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 21 tháng 11 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 13 - NỀN MÓNG
XÂY DỰNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LICOGI 13- FOUNDATION
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LICOGI 13- FC., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Toà nhà LICOGI 13, đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 35537509

Email: licogi13fc@gmail.com

Fax: 35537510

Website: licogi13fc.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 105.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm lẻ năm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LẠI VĂN MẠC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/11/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017214762

Ngày cấp: 14/09/2010

Nơi cấp: Công an tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể Dục, tổ 4, Phường La Khê, Quận Hà
Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tập thể Dục, tổ 4, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam



Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh **Số 0102326515** do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày **24/7/2007**, thay đổi lần 13 ngày **21/11/2018** với các ngành nghề kinh doanh chính sau:

Business Register No 0102326515 by Hanoi planning& investment department on 24th July, 2007 for the first time and modified for the 13th on 21st November, 2018 with following main business activities:

1. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng bằng các phương pháp: Cọc ép, cọc đóng, cọc khoan nhồi, cọc barrete, tường trong đất, rung cọc cát, cọc bắc thấm, cọc xi măng đất, khoan hầm và xây dựng các công trình ngầm. Xây dựng các công trình thủyđiện, nhiệt điện, xây lắp đường dây, trạm biến thế điện, hệ thống điện, điện lạnh, hệ thống thông tin liên lạc.

Civil construction: Construction of traffic, civil, irrigational and industrial works by pile pressing, pile driving, bored piles, barrette pile, sand vibrating pile, soil concrete pile, underground work. Construction of hydroelectric, thermal plants; construction of power plants, power system, telephone line system.

2. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm và các loại sản phẩm bê tông cốt thép đúc sẵn.

Construction material trade, ready mixed concrete and pre-cast reinforcement concrete

3. Hoạt động tư vấn quản lý: Các hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật, tư vấn (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình), khảo sát địa vật lý, chuyển giao công nghệ, lắp đặt máy móc và cho thuê thiết bị.

Management & Consulting services: Technical sciences, consultant(not including designing), ground investigating, technology hand-over, machine, equipments installation and for hire.

4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp

Construction and trade of flats, offices for rent, infrastructure of urban and industrial park

5. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng, các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm(SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT). Thí nghiệm sức chịu tải của nền móng công

trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn(PDA)

Test of integrity and homogeneity of the foundation piles, concrete reinforcement structure by Sonic method and pile integrity test (PIT). Load test of the foundation by static load test and Pile Dynamic Analysis(PDA)

6. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn.

Surveying the land, investigating the underground of the work and hydrogeology

7. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá: Dịch vụ kho vận.

Storing services

8. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Sản xuất mua bán máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công nền móng, công trình ngầm; gia công, chế tạo kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.

Manufacture, buy and sale of machines and equipments for construction of foundation, underground, fabricating, producing of steel structure and mechanical products. Whole sale of machine, equipments and spare parts of mining & construction machine.

9. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Import and export all products in the scopes of business activities.

3. VỐN ĐIỀU LỆ: 105.000.000.000 VND (Một trăm linh năm tỷ đồng)

Charter capital: VND 105.000.000.000 (One hundred and five billion Vietnam dong)

4. NHÂN LỰC – HUMAN RESOURCES:

4.1 GIỚI THIỆU CHUNG - GENERAL INFORMATION:

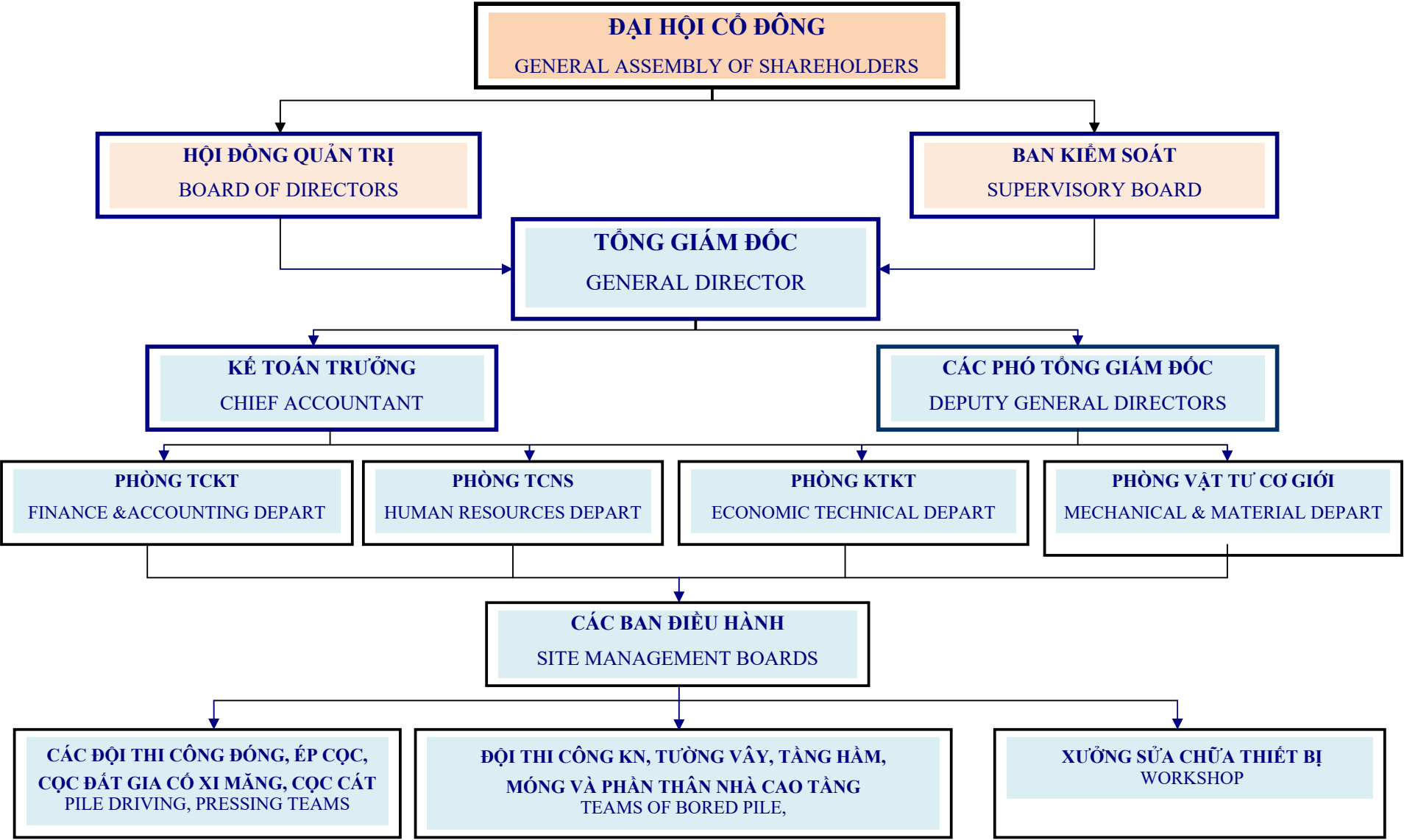
+ Nhân lực Công ty LICOGI 13 - Nền móng Xây dựng: hơn **600** công nhân viên chính thức, chia thành các tổ, đội và dây chuyền sản xuất chuyên sâu trong công tác xử lý nền móng được thống kê cơ bản như sau:

With more than 600 engineers and technical workers who have been working in different positions and units specialized in foundation construction as mentioned in the following table:

TT NO	Ngành nghề Description	Phân loại/ Classified	Trình độ Exprienced	Số lượng Quantity
I	Tổng số CBCNV/ Total Kỹ sư kỹ thuật/ Technical			600 90
A	Ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp <i>Construction of civil & industrial</i>	1. Kỹ sư xây dựng <i>Construction engineer</i> 2- Kỹ sư vật liệu xây dựng <i>Construction material engineer</i> 3- Kỹ sư kinh tế xây dựng <i>Construction economic engineer</i>	3-25 years/ năm kinh nghiệm	22 08 10
B	Ngành xây dựng công trình ngầm, kỹ sư kinh tế <i>Underground work & economic engineer</i>	1- Xây dựng công trình ngầm <i>Underground engineer</i> 2- Kỹ sư Kinh tế <i>Economic engineer</i> 4- K.S trắc địa <i>Surveyor</i>		10 05 10
C	Các ngành nghề khác <i>Other</i>	1. Kỹ sư máy xây dựng <i>Construction machine & equipment engineer</i> 2. Kỹ sư địa chất công trình <i>Geological engineer</i> 3- Cử nhân kinh tế, tài chính <i>Bachelor of Economic and finance</i>		10 10 05
II	Công nhân kỹ thuật- (Bậc 3 trở lên) <i>Technical workers</i>	1- Thợ lái ô tô vận chuyển- <i>Truck drivers</i> 2- Thợ lái máy đào- <i>Excavator driver</i>	Grade 3 - 5 Grade 3 - 5	510 20 10

		3- Thợ ép cọc- <i>Workers of pile pressing</i>	Grade 3 - 5	30
		4- Thợ đóng cọc- <i>Workers of pile driving</i>	Grade 3 - 5	30
		5- Thợ khoan cọc nhồi- <i>Workers of bored pile</i>	Grade 3 - 5	50
		6- Thợ cơ khí- <i>Mechanics</i>	Grade 3 - 5	10
		7- Công nhân trắc địa- <i>Surveyors</i>	Grade 3 - 5	10
		8- Thợ điện ô tô- <i>Electrician</i>	Grade 3 - 5	10
		9- Thợ xây dựng(nề, sắt, xây..)- <i>Bricklayer</i>	Grade 3 - 5	340
		10- Thợ khác- <i>Others</i>		

5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC- ORGANIZATION CHART



6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BOARD OF DIRECTORS(BOD)

- Chủ tịch HĐQT: Ông BUI ĐÌNH SƠN

Chairman of BOD: Mr. Bui Dinh Son

- Phó Chủ tịch HĐQT: Ông NGUYỄN VĂN TOÀN

Vice chairman of BOD: Mr. Nguyen Van Toan

- Ủy viên HĐQT: Ông NGUYỄN VĂN NGỌC

Member of BOD: Mr. Nguyen Van Ngoc

- Ủy viên HĐQT: Ông NGUYỄN VĂN HIỆP

Member of BOD: Mr. Nguyen Van Hiep

- Ủy viên HĐQT: Ông NGUYỄN QUỐC HÙNG

Member of BOD: Mr. Nguyen Quốc Hùng

7. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - BOARD OF DIRECTORS

- Tổng giám đốc: Ông LẠI VĂN MẠC

General Director: Mr. Lai Văn Mạc

- Phó Tổng giám đốc: Ông VŨ TRƯỜNG SƠN

Deputy General Director: Mr. Vu Truong Son

- Phó Tổng giám đốc: Ông NGUYỄN XUÂN HOÀN

Deputy General Director: Mr. Nguyen Xuan Hoan

8. BAN KIỂM SOÁT- INSPECTION BOARD (IB)

- Trưởng ban kiểm soát: Cử nhân tài chính kế toán – NGUYỄN THỊ THƠM

Director of IB: Mrs. Nguyen Thi Thom, BF

- Thành viên ban kiểm soát: Kỹ sư kinh tế – NGUYỄN QUANG VIỆT

Member of IB: Mr. Nguyen Quang Viet, BE

- Thành viên ban kiểm soát: Cử nhân luật, luật sư – TRẦN THỊ VÂN ANH

Member of IB: Mrs. Tran Thi Van Anh, Bachelor of law, Lawyer.

9. CÁC PHÒNG BAN – DEPARTMENTS& UNITS

9.1 PHÒNG KINH TẾ KỸ THUẬT - TECHNICAL ECONOMIC DEPARTMENT

- Trưởng phòng: Kỹ sư địa chất - TRẦN VĂN HÙNG

Manager: Tran Van Hung, Geological Engineer

9.2 PHÒNG KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH - FINANCE & ACCOUNTING DEPARTMENT

- Kế toán trưởng: Cử nhân tài chính kế toán – NGUYỄN VĂN BÁCH

*Chief accountant: **Nguyen Van Bach**, Bachelor of Finance*

9.3 PHÒNG VẬT TƯ, CƠ GIỚI - MACHINERY & MATERIAL DEPARTMENT

- Trưởng phòng: Kỹ sư máy xây dựng - **BÙI TẮT THÀNH**

*Manager: **Bui Tat Thanh**, Construction Machine Engineer*

9.4 PHÒNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ - HUMAN RESOURCES DEPARTMENT

- Trưởng phòng: Kỹ sư kinh tế - **NGUYỄN QUANG VIỆT**

*Manager : **Nguyen Quang Viet**, Economic Engineer*

9.5 XƯỞNG CƠ KHÍ SỬA CHỮA - REPAIRING WORKSHOP

- Trưởng phòng: Kỹ sư máy xây dựng - **BÙI TẮT THÀNH**

*Manager: **Bui Tat Thanh**, Construction Machine Engineer*

9.6 CÁC ĐỘI THI CÔNG KHOAN NHỒI, TƯỜNG VÂY, TẦNG HẦM, HOÀN THIỆN NHÀ CAO TẦNG - TEAMS OF BORED PILE, DIAPHRAGM WALL, UNDERGROUND FLOOR & HIGH BUILDING CONSTRUCTION.

9.6.1 ĐỘI THI CÔNG SỐ 1- CONSTRUCTION TEAM NO.01

- Đội trưởng : **BÙI ĐÌNH HOÃN** - Kỹ sư giao thông

*Team leader : **Bui Đình Hoan**, Traffic Engineer*

9.6.2 ĐỘI THI CÔNG SỐ 2- CONSTRUCTION TEAM NO.02

- Đội trưởng : **LÊ XUÂN HIẾU** - Kỹ sư xây dựng

*Team leader : **Le Xuan Hieu**, Construction Engineer*

9.6.3 ĐỘI THI CÔNG SỐ 3 - CONSTRUCTION TEAM NO.03

- Đội trưởng : **ĐẶNG TRUNG THÀNH** - Kỹ sư xây dựng

*Team leader : **Dang Trung Thanh**, Civil Engineer*

9.6.4 ĐỘI THI CÔNG SỐ 4 - CONSTRUCTION TEAM NO.04

- Đội trưởng : **NGUYỄN XUÂN HOÀN** - Kỹ sư XD DD&CN

*Team leader : **Nguyen Xuan Hoan**, Civil Engineer*

9.6.5 ĐỘI THI CÔNG SỐ 5 - CONSTRUCTION TEAM NO.05

- Đội trưởng : **PHẠM ĐỨC TRỌNG** - KSXD

*Team leader : **Pham Duc Trong**, Construction Engineer*

9.6.6 ĐỘI THI CÔNG SỐ 6 - CONSTRUCTION TEAM NO.06

- Đội trưởng : **ĐẬU DUY TRƯỜNG** - KSĐCCT

*Team leader : **Dau Duy Truong**, Geological Construction Engineer*

9.7CÁC ĐỘI THI CÔNG ĐÓNG CỌC, ÉP CỌC- PILE DRIVING TEAMS

9.7.1 ĐỘI THI CÔNG CỌC SỐ 1 - PILE DRIVING TEAM NO. 01

- Đội trưởng: **TRỊNH THANH GIANG** - Kỹ sư xây dựng

*Team leader: **Trinh Thanh Giang**, Civil Engineer*

9.7.2 ĐỘI THI CÔNG CỌC SỐ 2- PILE DRIVING TEAM NO.02

- Đội trưởng: **ĐỖ HỮU TIỀN** - Kỹ sư địa chất

*Team leader: **Do Huu Tien**, Geological Engineer*

10. SẢN LƯỢNG & DOANH THU 03 NĂM GẦN ĐÂY- OUTPUT & TURNOVER IN RECENT 03 YEARS.

TT	Nội dung	Năm 2015 (VND)	Năm 2016 (VND)	Năm 2017 (VND)
1	Tổng tài sản	324.040.255.080	410.514.854.146	523.158.358.313
2	Tổng nợ phải trả	253.441.499.832	335.328.510.644	446.355.103.692
3	Tài sản ngắn hạn	251.115.643.925	338.443.232.780	456.021.045.587
4	Nợ ngắn hạn	239.260.099.334	326.297.845.644	438.410.698.692
5	Vốn lưu động	11.855.544.591	12.145.387.136	17.610.346.895
6	Doanh thu	296.943.032.383	406.358.580.097	524.607.950.429
7	Lợi nhuận trước thuế	5.048.223.462	10.819.953.340	10.432.118.243
8	Lợi nhuận sau thuế	3.903.514.300	7.782.763.969	8.006.049.317

11. NĂNG LỰC THIẾT BỊ – MACHINE & EQUIPMENTS

TT <i>No</i>	Loại xe máy, thiết bị <i>Description</i>	Số lượng <i>Q'ty</i>	Năm SX <i>Year of production</i>	Sở hữu/thuê <i>Owened/hired</i>	Công suất <i>Capacity</i>
I	MÁY ĐÓNG CỌC- PILING MACHINE	15			
1	Piling rig D308 -85M	03	1980	Sở hữu	Up to 5T
2	Piling rig D408-90M	01	1984	Sở hữu	Up to 6T
3	Piling rig DH508-105M	01	1988	Sở hữu	Up to 8T
4	Piling rig D508-100M	01	1983	Sở hữu	Up to 7T
5	Piling rig PD7 -60R	01	1984	Sở hữu	Up to 5T
6	Piling rig PD100	01	1991	Sở hữu	Up to 7T
7	Piling rig P&H 100P	01	1985	Sở hữu	Up to 8T
8	Sand piling & driving machine	02	2000	Sở hữu	Lực ép 126,5T Up to 5T
II	BÚA ĐÓNG CỌC - HAMMERS	20			
1	Hammer D62-22	02	2008	Sở hữu	6,2T
2	Hammer D50 (1/4)	01	2002	Sở hữu	5T
3	Hammer D50 (10/4)	01	2002	Sở hữu	5T
4	Hammer D50 (10/4)	01	2003	Sở hữu	5T
5	Hammer HD36	01	2008	Sở hữu	3,6T
6	Hammer D36	01	2010	Sở hữu	3,6T
7	Hammer D35	01	2000	Sở hữu	3,5T
8	Hammer D46	02	2008	Sở hữu	4,6T
9	Hammer MH25	01	2001	Sở hữu	2,5T
10	Hammer M25	01	1998	Sở hữu	2,5T
11	Hammer KOBEL K25	02	1998	Sở hữu	2,5T
III	MÁY ÉP CỌC – PRESSING ROBOT	04			
1	Pressing machine ZYJ420H	02	2009	Sở hữu	Up to 420 ton (300-500m/day)
2	Pressing machine ZYJ680B	02	2009	Sở hữu	Up to 680 ton (300-500m/day)
IV	MÁY KHOAN NHỒI - BORING	10			

TT No	Loại xe máy, thiết bị Description	Số lượng Q'ty	Năm SX Year of production	Sở hữu/thuê Owned/hired	Công suất Capacity
	MACHINE				
1	Boring machine KH100-2	02	2000	Sở hữu	Depth 53m, D2000mm
2	Boring machine KH125-2	02	2000	Sở hữu	Depth 55m, D2000mm
3	Boring machine KH180-3	02	2001	Sở hữu	Depth 62m; D2000mm
4	Boring machine SD307	01	1996	Sở hữu	Depth 55m; D2000mm
5	Boring machine SD510	02	2000	Sở hữu	Depth 65m; D3000mm
6	Boring machine SR220C	02	2009	Sở hữu	Depth 70m, D2000mm
7	Boring machine SR150C	03	2015	Sở hữu	Depth 55m, D2000mm
V	MÁY KHOAN CỘT XI MĂNG ĐẤT - SOIL CEMENT COLUMN MACHINE	05			
1	Máy khoan D50K	02		Sở hữu	D600 - D1000mm
2	Máy khoan D80K	03		Sở hữu	D600 - D1000mm
3	Máy khoan DH508-105M	01	1988	Sở hữu	D600 - D1000mm
4	Máy khoan PD7-60R	01	1984	Sở hữu	D600 - D1000mm
5	Máy khoan PD100	01	1991	Sở hữu	D600 - D1000mm
6	Máy khoan P&H 100P	01	1985	Sở hữu	D600 - D1000mm
VI	DIAPHRAGM WALL- MÁY CẠP TƯỜNG	05			

TT No	Loại xe máy, thiết bị Description	Số lượng Q'ly	Năm SX Year of production	Sở hữu/thuê Owned/hired	Công suất Capacity
1	SANY-SH400C	01		Dia 1200MM, 70M	
2	Máy cạp tường LS218	2		Dia 1200MM, 70M	
3	PD100	1		Dia 1200MM, 70M	
4	DH508	1		Dia 1200MM, 70M	
VII	CẦU, MÁY ĐÀO - CRANE, EXCAVATOR	07			
1	Cần cẩu Huyndai	01	2000	Sở hữu	25T
2	Cần cẩu Sumitomo LS218	02	2000	Sở hữu	80 T
3	Cần cẩu tháp -Tower crane Zoomlion	02	2009	Sở hữu	6 T
4	Máy đào - Excavator PC200	02	1985	Sở hữu	Vg=0,8m3
VIII	MÁY PHÁT ĐIỆN- GENERATOR	06			
1	Máy phát điện 125KVA	01	2001	Sở hữu	125KVA
2	Máy phát điện 300KVA	05	2009	Sở hữu	300KVA
IX	MÁY NÉN KHÍ - AIR COMPRESSOR	10			
1	Máy nén khí PDS290	04	1990	Sở hữu	4m3/phút
2	Máy nén khí Denyo 270S	03	1998	Sở hữu	9m3/phút
3	Máy nén khí PDS 340	03	2007	Sở hữu	9,6m3/phút
4	Máy nén khí PDS 670	03	1992	Sở hữu	19m3/phút
5	Máy nén khí PDS 685	03	2000	Sở hữu	19,4m3/phút
X	XE Ô TÔ PHỤC VỤ - CAR & TRUCKS	05			
1	Xe sơ mi Maz 29L4133	02	2001	Sở hữu	18 T
2	Xe Mitshubishi 30F9553	01	2007	Sở hữu	7 chỗ/seats
3	Xe con CRV 29A.003.41	01	2010	Sở hữu	7 chỗ/seats
4	Xe ACURA	01	2008	Sở hữu	7 chỗ/seats
XI	VÀ CÁC THIẾT BỊ KHÁC	22			
1	Thùng tank	30		Sở hữu	
2	Silo	16		Sở hữu	

TT <i>No</i>	Loại xe máy, thiết bị <i>Description</i>	Số lượng <i>Q'ty</i>	Năm SX <i>Year of</i> <i>production</i>	Sở hữu/thuê <i>Owened/hired</i>	Công suất <i>Capacity</i>
3	Bơm chìm 11-22Kw	30		Sở hữu	
4	Tôn tấm D22	50		Sở hữu	
5	Gầu cạp cơ D800mm	02		Sở hữu	
6	Gầu cạp tường D600mm	02		Sở hữu	
7	Cốp pha tường vây D600 - D1000	26		Sở hữu	
8	Tấm xia bê tông tường vây D800	01		Sở hữu	
9	Tấm xia bê tông tường vây D1000	01		Sở hữu	
10	Thí nghiệm bê tông - Concrete testing set	04		Sở hữu	
11	Thí nghiệm Bentonite - Bentonite testing set	06		Sở hữu	
12	Thí nghiệm xi măng - Cement supplying set	01		Sở hữu	
13	Sàng cát -Sand sieve	06		Sở hữu	
14	Máy toàn đạc -Total station	08		Sở hữu	

12. HỒ SƠ KINH NGHIỆM- EXPERIENCES

- Số năm kinh nghiệm làm tổng thầu hoặc thầu chính: 50 năm
Years of experiences as main contractor : 50 years
- Số năm kinh nghiệm làm thầu phụ : 50 năm
Years of experiences as main sub-contractor : 50 years

CÁC HỢP ĐỒNG TIÊU BIỂU ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN

LIST OF TYPICAL PROJECTS

A. THI CÔNG CỌC KHOAN NHỒI, TƯỜNG VÂY, CỌC BARRETE

BORED PILE, DIAPHRAGM WALL & BARRETE PILES

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
1.	Nhà máy xi măng Nghi Sơn <i>Nghi Sơn cement factory</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D100mm: 1.058m	3.584	Công ty thi công cơ giới (Tổng công ty XD Hà Nội) <i>Hanoi construction corporation (HACC)</i>	11/1998 01/1999
2.	Nhà máy xi măng Hoàng MaiHoang Mai cement factory	- Khoan cọc nhồi/Bored piles D800: 5.000m D1200: 7.000m	18.683	Công ty xi măng Nghệ An <i>Nghe An cement company</i>	9/1998 4/1999
3.	Nhà máy phân đạm Hà Bắc - Phân mở rộng <i>Ha Bac nitrogenous fertilizer factory enlargement</i>	- Khoan cọc nhồi / Bored pile D1000, D1200, D1500, D2000: 20.000m	8.768	Tập đoàn hóa học An Duong <i>An Duong chemical corporation</i>	10/2000 12/2001
4.	Nhà máy xi măng Phúc Sơn <i>Phuc Son cement factory</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 16.670m - Khoan cọc nhồi / Bored pile D1000: 4.400m - Khoan cọc nhồi / Bored pile D1200: 3.500m	42.300	Công ty xi măng Phúc Sơn <i>Phuc Son cement factory</i>	6/2003 02/2004
5.	Nhà máy xi măng Sông Thao <i>Song Thao Cement Plant</i>	- Khoan cọc nhồi /Bored pile D1000 vào đất: 3.970m	15.288	Công ty cổ phần xi măng Sông Thao <i>Song Thao Cement Joint Stock Company</i>	6/2005 10/2005
6.	Nhà máy nhiệt điện Uông Bí – Quảng Ninh <i>Uong Bi Power Plant – Quang Ninh</i>	- Khoan cọc nhồi /Bored pile :D800: 3.793m	3.587	Công ty xây dựng 203 - Tổng công ty XD Bạch Đằng <i>Construction company No 203 – Bach Dang Corp</i>	01/2005 3/2005
7.	Nhà máy xi măng Thăng Long <i>Thang Long Cement Factory</i>	- Khoan cọc nhồi /Bored pile D1200: 2.500m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 2.500m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 400m	64.268	Công ty cổ phần xi măng Thăng Long <i>Thang Long Cement JSC</i>	11/2005 7/2006
8.	Cầu Phả Lại <i>Pha Lai bridge</i>	- Khoan cọc nhồi / Bored pile D1000: 4.762 m; - Khoan cọc nhồi / Bored	5.963	Liên doanh CSCEC – TRANCO CSCEC – TRANCO Joint	7/2000 02/2001

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
		<i>pile</i> D1200: 5.768 m; - Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D2000: 3.969m;		venture	
9.	Cầu Quý Cao <i>Quy Cao bridge</i>	- Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1000: 2.646 m - Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1500: 1.068 m.	3.929	VIMECO	9/2000 02/2001
10.	Cầu Hoà Mục (Hà Nội) <i>Hòa Mục bridge- Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D800: 2.500m	2.011	LICOI 20	6/2002 9/2002
11.	Cầu vượt B14, B15 - Quốc lộ 18 - G1 <i>Over bridge B14, B15- Highway No.18</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D1200: 5.800m	2.500	Liên danh Thăng Long - Sông Đà – Necco <i>Song Da- Necco joint venture</i>	5/2002 11/2002
12.	Cầu Vĩnh Tuy - Hà Nội <i>Vinh Tuy bridge - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D200 : 2.660m	2.000	Công ty cầu 12 - Tổng công ty XD công trình giao thông 1 <i>Bridge Company No 12 – Civil Engineering Construction Corporation 1</i>	2/2005 6/2005
13.	Cầu Vĩnh Thịnh (Trụ 71-97) <i>Vinh Thinh bridge (From pier 71-97)</i>	- Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1500: 2.060m	23.654	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp Dầu khí Hòa Bình (PVC5) <i>Hoa Binh petro construction & investment JSC</i>	5/2012 9/2012
14.	Cầu Vĩnh Thịnh (Trụ 20-30) <i>Vinh Thinh bridge (From pier 20-30)</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D1500: 2.172m	7.875	Công ty TNHH Thiết bị xây dựng Hồng Hà <i>Hong Ha construction equipments co.ltd</i>	5/2012 10/2012
15.	Khu chung cư COZYVILL- Hải Phòng <i>COZYVIL apartment building</i>	- Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1200: 5.330m	3.000	Tập đoàn Hồng Hải <i>Hong Hai corporation (Taiwan)</i>	7/2007 11/2007
16.	Nhà máy bia Hà Nội – Melinh - Vinh Phúc - Giai đoạn II <i>Hanoi beer factory – Melinh - Vinh Phuc - Phase II</i>	- Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D800: 2.500m	17.893	LILAMA Hanoi	12/2007 02/2008
17.	Khu chung cư Số.05 - Trần Duy Hưng - Hà Nội <i>Apartment building No.05 - Tran Duy Hung - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1200: 4.043m - Khoan cọc nhồi / <i>Bored pile</i> D1500: 4.00m	2.700	VIMECO	11/2007 02/2008

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
18.	Viện sốt rét và ký sinh trùng trung ương - Hà Nội <i>National Institute of Malaria Parasites - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 5.502 m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 266m	3.744	Công ty cổ phần ĐT và XD số 4 Đức Phương <i>Duc Phuong Investment and construction JSC No.04</i>	5/2008 9/2008
19.	Toà nhà chung cư 29 Nguyễn Đình Chiểu - Hà Nội <i>Office building in 29th Nguyen Dinh Chieu-Hanoi</i>	-Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 1.500m - Tường vây/ Diaphragm wall: 1.700m ³	3.587	Công ty XD Hà Nội Số 1 <i>Hanoi Construction company No.01</i>	3/2008 5/2008
20.	Toà nhà Đức Phương - Mỹ Đĩnh - Hà Nội <i>Duc Phuong building - My Dinh - Ha Noi</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 4.145m	2.781	Công ty cổ phần Đồng Tâm <i>Dong Tam JSC</i>	4/2008 5/2008
21.	Khu đô thị Xa La <i>Xala urban center – Ha Dong - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/Bored pile D1200: 6.500m	5.200	Công ty xây dựng Điện Biên số 1 <i>Dien Bien construction company No.1</i>	9/2008 01/2009
22.	Toà nhà văn phòng và để xe 233 - Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng <i>Office building& garage at 233 Tran Nguyen Han- Hai Phong</i>	- Khoan cọc nhồi/Bored pile D800 : 5.194m	8.941	Công ty CP XD đô th Hải Phòng <i>Hai Phong urban construction JSC</i>	5/2009 8/2009
23.	Toà nhà văn phòng và căn hộ cao cấp cho thuê LICOGI13 <i>LICOGI13 tower</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 1.500m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1300: 3.165m - Tường/ Barrette wall: 2.140m ³	31.000	LICOGI13	8/2009 12/2009
24.	Khu đô thị Dương Nội <i>Duong Noi urban area Block C, D, E - CT07, CT8</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 400m; D1000: 550m; D1200: 7.151m; D1400: 6.237m	24.000	Tập đoàn Nam Cường <i>Nam Cuong group</i>	12/2009 8/2010
25.	Đài phát thanh Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội <i>Me Tri Broadcasting station - Tu Liem - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 3.500m, D1200: 3.100m	6.757	Công ty cổ phần ĐT và PT nhà số 06 HN (HANDICO 6)	12/2009 02/2010
26.	Khu đô thị Cổ Nhuế - Từ Liêm – Hà Nội <i>Co Nhue urban area - Từ Liêm - Hà Nội</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 3.500m; D1200: 1.800m	5.676	Tập đoàn Nam Cường <i>Nam Cuong group</i>	3/2010 6/2010

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
27.	Văn phòng cho thuê và chung cư cao cấp Landmark tower	- Khoan cọc nhồi / Bored pile D1200, D1500: 6.079m Tường vây/ Diaphragm wall D600mm: 2.640m3	13.503	Cty CP đầu tư tài chính Ninh Bắc <i>Ninh Bac finance investment JSC</i>	02/2010 5/2010
28.	Trung tâm TM, DVCC và Nhà ở - Diamond flower tower <i>Trung Hoa - Thanh Xuan - Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 1.600m, D1500: 6.000m - Tường vây/Diaphragm wall D1000: 9.962m3	108.628	Công ty cổ phần ĐT và PT nhà số 06 HN (HANDICO 6)	5/2010 11/2010
29.	Chung cư cao tầng CT1 - Đài phát thanh, phát sóng Mễ Trì – Từ Liêm – Hà Nội <i>Apartment building CT1-Me Tri broadcasting station</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 1.350m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 1.000m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 7.500m	10.334	Công ty cổ phần ĐT và PT nhà số 06 HN (HANDICO 6)	4/2010 01/2010
30.	Tòa nhà hỗn hợp tháp doanh nhân - Mộ Lao- Hà Đông <i>Bussiness complex building</i>	- Khoan cọc nhồi: D1500mm: 4.732m - Tường vây/ Diaphragm wall D800mm: 5.000m3	19.800	Công ty CP xây dựng Việt Trung- Tập đoàn Anh Quân Strong	8/2010 01/2011
31.	Tổ hợp dịch vụ công cộng và văn phòng cho thuê 1152 đường Láng- Hà Nội <i>Public service & apartment building - 1152 Lang Street</i>	- Tường vây/Diaphragm wall: 5.136m3 - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1400: 1000m, D1500: 5.000m	32.154	Công ty cổ phần ĐT và PT nhà số 06 HN (HANDICO 6)	9/2010 02/2011
32.	Nhà ở cho CBCNV viện bỏng Lê Hữu Trác - HV quân Y <i>Apartment building for staff of National hospital for burned patients</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 8000m; D800: 1600m	76.668	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)	10/2010 5/2011
33.	Nhà ở phục vụ cán bộ chuyên viên cao cấp đương chức đang công tác tại các cơ quan Quốc hội <i>Apartment building for staffs working in National Asembly's units - CT2A, CT2B, CT2C</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 6.318m	106.564	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)	06/2011 02/2012
34.	Tổ hợp nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ thương mại <i>Apartment for sale, office & trade building.</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 7.500m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1000: 4.100m - Khoan cọc nhồi/ Bored pile D800: 880m - Tường vây/ Diaphragm wall 600mm: 3.100m3	104.938	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam Viwaseen	4/2011 4/2012

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
35.	Nhà ở hỗn hợp chung cư kết hợp văn phòng dịch vụ tại lô đất 2.5HH <i>Apartment & office for rent complex – Đường Lê Văn Thiêm</i>	- Tường vây/ <i>Diaphragm wall</i> 800mm: 6.800m ³	25.833	Công ty cổ phần Địa Ốc COMA	10/2011 02/2012
36.	Tòa nhà chung cư cho cán bộ, chiến sỹ viện chiến lược và khoa học công an – Bộ công an và một số cơ quan khác của thành phố <i>Apartment for staff of policy and technology institute –Ministry of public security and other units of Hanoi</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D1200: 3490m: - Tường vây/ <i>diaphragm wall</i> D600: 1.800m ³	65.817	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	10/2012 10/2013
37.	Nhà ở cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện 103 – Học viện Quân Y (Tòa CT01, CT02 <i>Apartment building for staffs of 103 Hospita I- Military hospital academy</i>	- Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D800: 1.380m - Khoan cọc nhồi/ <i>Bored pile</i> D1200: 14.000m	84.860	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	01/2013 9/2013
38.	Nhà quốc hội – Ba Đình - Hà Nội <i>National Asembly house</i>	- Tường vây/ <i>Diaphragm wall</i> D800: 3.400m ³	4.323	Công ty cổ phần Sông Đà 6 <i>SONG DA 6 JSC</i>	8/2013 10/2013
39.	Nhà ở cho CBNV Học viện quốc phòng <i>Apartment building for staff of National defence academy</i>	-Khoan cọc nhồi/Bored pile D1500: 7000m, D1200: 822m, D800: 1.670m	59.000	Công ty CP đầu tư bất động sản Đông Đô –BQP <i>Dong Do real estate JSC</i>	8/2013 12/2013
40.	Nhà chung cư CT1 – Hoàng Cầu – Đống Đa- Hà Nội <i>Apartment building CT1 – Hoàng Cầu</i>	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1400: 2100 m, D1200: 3000m, D1000: 200m - Tường vây/ <i>Diaphragm wall</i> : 8.700 m ³	63.500	Tập đoàn Tân Hoàng Minh - Công ty CP ĐT và PT Bắc Hà <i>Bac Ha investment and Development JSC</i>	10/2013 3/2014
41.	Nâng cấp bệnh viện phụ sản Hà Nội <i>Extention and upgrading Hanoi obstertric hospital</i>	- Khoan cọc nhồi/Bored pile: D1000: 2700m, D1200: 600m	15.700	<i>Tổng công ty đầu tư và phát Nhà Hà Nội</i> <i>Hanoi housing investment and development corp.</i>	10/2013 1/2014
42.	Tòa nhà FLC complex tower – 36 Phạm Hùng – Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội	- Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1500: 4.690 m, D1000: 1.307m. - Tường vây/ <i>Diaphragm wall</i> : 600x1800mm: 2034m m ³	12.500	Công ty TNHH đầu tư và quản lý tòa nhà ION COMPLEX <i>ION complex bulding investment & management Co. Ltd</i>	9/2014 01/2015
43.	FLC Star tower – 418 Quang Trung – La Khê – Hà Đông- Hà	Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1500: 5040m	10.520	Công ty cổ phần địa ốc STAR Hà Nội	1/2015 5/2015

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
	<i>Nội</i>	Khoan cọc nhồi/Bored pile D800mm: 150m		<i>STAR ha Noi real estate JSC</i>	
44.	FLC garden city – Đại Mỗ - Từ Liêm – Hà Nội	Khoan cọc nhồi/ Bored pile D1200: 2.700m Khoan cọc nhồi/Bored pile D1000mm: 1900mm	7.200	<i>Công ty cổ phần địa ốc ALASKA ALASKA real estate JSC</i>	4/2015 6/2015
45.	Nhà nghỉ, nhà khách UBND tỉnh Lạng Sơn <i>Guest house of Lang Son people committee</i>	- KCN/Bored pile D800: 1000m và Thi công móng	10.294	<i>UBND Tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn people committee</i>	6/2015 9/2015
46.	Tòa nhà FLC green home – 18A Phạm Hùng – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội	- Khoan cọc nhồi D1500: 3500m; D800: 2.212m;	5.209	<i>Công ty cổ phần địa ốc ALASKA- FLC group ALASKA real estate JSC</i>	8/2015 10/2015
47.	Tòa nhà FLC Twins tower – 265 Cầu Giấy – Hà Nội	- Khoan cọc nhồi D1500: 7.900m; D1000: 2.350m; D1200: 4.550m;	169.895	<i>Công ty cổ phần FAROS – FLC group</i>	7/2015 12/2015
48.	Nhà ở cho CBCNV Thông tấn xã Việt Nam – Khu đô thị mới Kim Văn Kim Lũ – Hoàng Mai – Hà Nội	- Khoan cọc nhồi D1500: 2.500m; D1200: 3.700m.	63.600	<i>Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	10/2015 01/2016
49.	Nhà ở xã hội tại Lô đất 5.B2, 5.B3, 5.B4, 5.B5 Khu tái định cư Đông Hội – Đông Anh – Hà Nội <i>Dong Hoi resettlement area – Dong Anh – Ha Noi.</i>	Khối lượng : Cọc KN D1500: 300 cọcm, D800mm: 104 cọc	73.293	<i>Công ty cổ phần xây dựng và quản lý dự án số 1</i>	12/2016 03/2017
50.	Nhà ở Văn Phú HIBRAND - Chung cư cao tầng H-CT2 Van Phu HIBRAND	Cọc KN D1200: 163 cọc, D1000mm: 72 cọc, D800mm: 124 cọc	30.677	<i>Công ty cổ phần phát triển Khoáng Sản</i>	12/2016 03/2017
51.	Khách sạn FLC Grand hotel Hạ Long	Cọc KN D1000: 3800 cọc, D1200mm: 880m	14.700	<i>Công ty cổ phần tập đoàn FLC</i>	02/2017 05/2017
52.	Chung cư cao tầng CT3 – Nghĩa Đô – Từ Liêm	Cọc khoan nhồi D1200: 76 cọc, D800mm: 32 cọc	10.654	<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 1 Hà Nội (HICC1)</i>	7/2017 10/2017
53.	Cụm công trình Nhà ở tại Lô đất 1A20 - Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Cọc khoan nhồi , tường vây Nhà A2 Cọc D1000: 19 cọc Cọc 1200: 55 cọc Cọc D1400: 19 cọc	48.191	<i>Công ty CP đầu tư bất động sản Đông Đô - BQP</i>	8/2017 10/2017
54.	Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại SUMMIT	Thi công cọc khoan nhồi đại trà- KINGPOST, tường vây,	53.282	<i>Công ty Cổ phần Giải</i>	04/2017

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
	BUILDING -216 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy, TP.Hà Nội	tường dẫn Cọc D1500:2139m Cọc D1200:591.5 m Cọc D800: 42.5m		pháp Tòa nhà thông minh	
55.	Nhà ở 90 Nguyễn Tuân - Số 90 Đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	Thi công phần ngầm (Cọc khoan nhồi đại trà, tường vây, kingpost)(XL06/90NT) Cọc khoan nhồi D1500:138 cọc, D1000:21 cọc	92.975	Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7	10/2017
56.	Tòa nhà hỗn hợp Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	Thi công cọc khoan nhồi Cọc D1500: 96 cọc Cọc D1200: 35 cọc Cọc D800: 19 cọc Cọc D600: 27 cọc	70.461	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Thịnh	7/2018

B. THI CÔNG ĐÚC, ĐÓNG CỌC - PILE CASTING & DRIVING

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
1.	Nhà máy vỏ hộp CROWN VINALIMEX Packaging factory	Đúc, đóng cọc BTCT: 65.000m <i>RC pile casting, driving:</i> 65.000m	20.211	Công ty LD Crown - Vinalimex <i>Crown – Vinalimex Joint venture</i>	01/1995 10/1995
2.	Nhà máy sản xuất thiết bị bằng thép HANVICO Hải Phòng <i>HANVICO steel equipment fabrication factory in Hai Phong</i>	- Đúc cọc/RC pile casting: 25.081m - Đóng cọc/ Driving: 23.940m	6.542	Công ty cổ phần công nghiệp nặng Hanjun <i>Hanjun heavy industry company (Korea)</i>	8/1996 12/1996
3.	Nhà ga hành khách T1 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài <i>T1 Passenger of Noi bai International Airport</i>	-Đúc cọc/ <i>RC pile casting</i> 400x400: 66.951md -Đóng cọc/ <i>RC pile driving</i> 400x400: 62.451md	30.128	Cụm cảng hàng không sân bay Miền Bắc <i>Northern Airport Stations</i>	4/1996 02/1997
4.	Nhà máy bia Hà Tây <i>Ha Tay beer factory</i>	- Đúc, đóng cọc BTCT/ casting & driving RC pile 350x350, 400x400mm: 62.468m	22.052	Công ty bia Hà Tây <i>Ha Tay Beer company</i>	10/1997 02/1998
5.	Nhà máy xi măng Nghi Sơn <i>Nghi Son cement factory</i>	- Đóng cọc BTCT/RC pile driving 450x450: 17.011m	3.584	Công ty thi công cơ giới (Tổng công ty XD Hà Nội) <i>Hanoi construction corporation(HACC)</i>	01/1999 10/1999

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
6.	Học viện kỹ thuật Quân sự <i>National Military Technology Academy</i>	- Đúc, đóng cọc/ RC pile casting & driving :200x200, 250 x 250, 300 x 300: 47.932m	10.163	Ban quản lý dự án Học viện kỹ thuật quân sự <i>National Military Tech Institute PMU</i>	7/2000 12/2000
7.	Mở rộng hệ thống cấp nước TP. Hải Dương <i>The expansion Project for water supply system in Hai Duong Province</i>	- Đúc, đóng cọc/ RC pile casting & driving 400x400: 11.063m;	4.315	Hazama Corp.	4/2000 7/2000
8.	Nhà máy công nghiệp tàu thủy Sài Gòn <i>Dry dock of Sai Gon shipbuilding factory</i>	- Đúc cọc/ Casting of RC pile 400x400: 11.583m	5.300	Công ty xây dựng số 16 (LICOI)	7/2003 12/2003
9.	Nhà ở cao tầng CT13A, CT16B, Khu đô thị Việt Hưng (Gia Lâm, Hà Nội) <i>Viet Hung high apartment buildings CT13A, CT16B, Viet Hung urban area (Gia Lam, Hanoi)</i>	- Đúc, đóng cọc/ Casting & driving RC pile 400x400: 15.000 m	8.500	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) <i>Housing and Urban Development Corporation (HUD)</i>	10/2004 4/2005
10.	Trung tâm Hội nghị Quốc gia - San nền và đường giao thông giai đoạn I <i>National Convention Center – site grading and road work in phase I</i>	- Đúc cọc/RC pile casting 400x400 & 300x300 :12000m - Đóng / Driving & pressing RC pile 400x400 và 300x300 : 12000m	63.873	Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOI) <i>Infrastructure Development and Construction Corporation (LICOI)</i>	8/2005 02/2006
11.	Dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc <i>Lang - Hoa Lac High Way Extension and Completion Project</i>	- Đúc cọc/ RC pile casting: 10.757m	5.378	Ban QLDA đầu tư XD mở rộng đường Láng - Hòa Lạc <i>PMU of Lang – Hoa Lac High Way Extension Investment Project (VINACONEX)</i>	6/2005 10/2005
12.	Khu công nghiệp lọc dầu Dung Quất <i>Dung Quat Gasoline Industrial Zone</i>	- Đóng cọc/RC pile driving D600mm: 50.000md	7.000	Tổng công ty XD và phát triển hạ tầng <i>Infrastructure Development and Construction Corporation- LICOI</i>	8/2006 5/2007
13.	Kết cấu ụ khô nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất <i>Dry dock of Dung Quat</i>	- Đóng cọc/RC pile driving D600: 134.000m	37.820	Tổng công ty XD và phát triển hạ tầng <i>Infrastructure</i>	10/2007 6/2008

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
	<i>shipbuilding factory</i>			<i>Development and Construction Corporation- LICOI</i>	
14.	Nhà máy bia Hà Nội - Melinh-Vinh Phuc- Giai đoạn I <i>Hanoi beer factory – Melinh - Vinh Phuc - Phase I</i>	- Đóng cọc/ <i>RC pile driving</i> D500mm: 3.000m D600mm: 30.000m, D700mm: 2.000m.	4.094	Công ty cổ phần LILAMA Hà Nội <i>LILAMA Hanoi JSC</i>	7/2007 6/2008
15.	Khu công nghiệp Fu Giang <i>Fugiang Industrial zone - Bac Ninh</i>	- Đóng cọc/ <i>RC pile driving</i> D400, D500mm / Driving RC pile of Workshop B05, B07	2.948	Hong Hai corporation- KTC Engineering Co.ltd- China	9/2008 11/2008
16.	Nhà máy Giấy An Hoà – Tuyen Quang <i>An Hoa paper factory - Tuyen Quang</i>	- Đúc, đóng cọc/ <i>RC pile casting & driving</i> 300x300mm: 140.000 m	76.000	Công ty CP Giấy An Hoà <i>An Hoa paper JSC</i>	2/2008 3/2009
17.	Dự án phát triển Công viên Yên Sở - Hà Nội <i>Yen So park development project - Hoang Mai - Hanoi</i>	- Đóng cọc/ <i>RC pile driving</i> D350, D400, D500, D600/ RC pile driving of all kinds: 150.000 m	27.000	GAMUDA – Malaysia	12/2008 12/2009
18.	Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh <i>North An Khanh splendora</i>	- Đúc, đóng cọc/ <i>RC pile casting & driving</i> 350x350mm: 11.000m	8.683	VINACONEX 6	8/2010 11/2010
19.	Mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc – Tường chắn cao tốc phải nút giao Hòa Lạc km30+180 <i>Lang - Hoa lac highway expansion and completion</i>	- Đúc, đóng cọc/ <i>RC pile casting & driving</i> 400x400mm:8.000m	4.042	CIENCO 1	3/2010 7/2010
20.	Khu đô thị sinh thái Vincom Village – Long Biên - Hà Nội <i>Vincom village</i>	- Đúc, ép, đóng cọc/ <i>RC pile casting & driving</i> D300A, D350A, D400A ,250x250mm: 140.000m	24.315	Công ty cổ phần PCM (VINGROUP)	6/2011 10/2011
21.	Nhà máy đóng tàu Damen shipyard – Hải Phòng <i>Damen ship yard in Hai Phong</i>	- Đóng, ép cọc/ <i>Driving pile</i> D500: 60.000m	6.654	Công ty TNHH Bê tông & Xây dựng Minh Đức Minh Duc concrete & construction Com. Ltd	02/2012 6/2012
22.	Dự án xây dựng đường nối cầu Cà Lồ với sân bay Nội Bài <i>Connection road from Ca Lo bridge to Noi Bai airport</i>	- Đúc và đóng cọc/ <i>Casting & driving of RC pile</i> 350x350mm: 10.000m	11.144	Công ty CP thương mại và đầu tư Linh Châu	9/2012 12/2012

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
23.	Nhà ga hành khách cảng hàng không Vinh <i>Pasanger termination of Vinh airport</i>	- Đúc và đóng cọc/ Casting & driving of RC pile 400x400mm: 160.000m	15.853	Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam Airport corporation of Vietnam (ACV)	8/2013 12/2013
24.	Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa <i>Nghi son refinery factory – Thanh Hoa province</i>	- Đóng cọc /RC pile driving D400mm: 18.500m; D600mm: 16.500m	4.491	Công ty xây dựng số 1 TNHH một thành viên <i>Construction company 1 Co. Ltd</i>	5/2014- 12/2014
25.	Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long – Hoàng Bồ - Quảng Ninh/ Thăng Long thermal power plant – Hoanh Bo – Quang Ninh	- Đóng cọc /RC pile driving D500mm: 30.000m; D350mm: 50.000m	12.760	Công ty TNHH công trình điện lực KAIDI Vũ Hán (Trung Quốc) KAIDI Vu Han EE Co.ltd	12//2015 04/2016

C. CUNG CẤP CỌC VÀ THI CÔNG ÉP CỌC - PILE SUPPLY & PRESSING

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
1.	Nhà máy sản xuất máy phát điện Tuabin gió <i>Wind turbine generator factory</i>	- Đúc và ép cọc dự ứng lực/ Casting & pressing PC pile D400mm: 140.000 m	58.000	GE ENERGY HAI PHONG	5/2009 8/2009
2.	Khách sạn dầu khí Thái Bình – TP. Thái Bình <i>Thai Binh petro Hotel – Thai Binh city</i>	- Ép cọc/Pressing RC pile D600: 22.000m	3.360	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp dầu khí IMICO <i>IMICO investment & construction JSC</i>	5/2010 8/2010
3.	Nhà ở HSSV Mỹ Đình II, Từ Liêm – Hà Nội <i>My Dinh II Apartment for students</i>	- Ép cọc/ pressing RC pile 400x400mm: 7.000m	2.100	Công ty Xây dựng và ứng dụng Công nghệ mới. <i>Construction and new technology company</i>	12/2009 02/2010
4.	Chung cư sinh viên. <i>Apartment for student in Minh Phuong urban area - TP Việt Trì - Phú Thọ</i>	- Ép cọc/ Pressing RC pile 300x300: 36.000m	3.420	LICOI 14 JSC	9/2009 01/2010
5.	Nhà máy xơ sợi Đình Vũ – Hải Phòng <i>Dinh Vu polyester factory - Hai Phong</i>	- Ép cọc dự ứng lực/ Pressing RC pile D400: 10.000m, D500: 10.000m	2.550	Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng & công trình ngầm FECON	02/2010 7/2010
6.	Biệt thự Song lập Phân khu A khu đô thị mới Dương Nội <i>Duong Noi urban area – Villa</i>	- Đúc, ép cọc / Pile casting & pressing: 250x250: 100.000m	24.000	Tập đoàn Nam Cường <i>Nam Cuong group</i>	11/2010 5/2012

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
	<i>Block A</i>				
7.	Khu đô thị sinh thái Vincom Village – Long Biên - Hà Nội <i>Vincom village</i>	- Cấp, ép, cọc/ <i>RC pile casting & driving</i> D300A, D350A, D400A , 250x250mm: 60.000m	24.315	Công ty cổ phần PCM (VINGROUP)	6/2011 10/2011
8.	Dự án đầu tư xây dựng chợ Phố Hiến – Hưng Yên <i>Pho Hien market</i>	- Đúc, ép cọc / <i>Pile casting & pressing</i> 350x350: 12.384m	7.542	Công ty CP 389 – QK3	11/2012 3/2013
9.	Biệt thự thấp tầng TT3 và TT4 – Cổ Nhuế Từ Liêm <i>Villa TT3, TT4 - Tu Liem</i>	- Đúc, ép cọc / <i>Pile casting & pressing</i> 300x300 : 11.000m	8.017	Tập đoàn Nam Cường <i>Nam Cuong group</i>	8/2012 3/2013
10.	Nhà máy điện tử LGElectronics Hải Phòng <i>LG Electronics in Hai Phong</i>	- Ép cọc / <i>Pile pressing</i> D500: 20.000m	2.200	Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Minh Đức <i>Minh Duc concrete and construction JSC</i>	10/2013 12/2013
11.	Nhà máy New Green field factory – Duy Tiên - Hà Nam	Cung cấp và Ép cọc/ <i>Pressing pile D500, D600: 32.000m</i>	23.000	Gentherm Vietnam Co.Ltd	10/2014 12/2014
12.	Khu đô thị sinh thái Vinhomes river side 2 – Long Biên – Hà Nội	Cung cấp và Ép cọc/ <i>Pressing pile D350: 4.800m</i>	15.000	Tập đoàn Vingroup	8/2016 12/2016
13.	Nhà máy điện mặt trời LIG - Quảng Trị <i>LIG – Quang Tri Sun power plant</i>	Cung cấp và Ép cọc/ <i>Pressing pile 200x200mm: 18.000m</i>	52.650	Công ty cổ phần LICOGI13	10/2018 01/2019

D. THI CÔNG CHỐNG THẨM, CỌC ĐẤT GIA CỐ XI MĂNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT – WATER-PROOFING & INFRASTRUCTURE

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
1.	Sân bay quốc tế Nội Bài <i>Noi Bai international airport</i>	Đường cát hạ cánh 1B – Sân bay quốc tế Nội Bài/ <i>Runway 1B of Noi Bai international airport</i>	30.128	Công ty xây dựng công trình hàng không/ ACC <i>Airport construction company</i>	4/2001 8/2003
2.	Đường cát và hạ cánh sân bay Cần Thơ <i>Run way of Can Tho Airport</i>	- Khoan cọc xi măng đất gia cố nền đất yếu: 34.000 cọc <i>Soil-cement piles: 34.000 piles</i>	7.140	Công ty xây dựng công trình hàng không ACC <i>Airport Construction Company -ACC</i>	11/2005 11/2006

3.	Nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah <i>Buon Tua Srah Hydroelectric Plant</i>	- Thi công tường mềm chống thấm/ <i>Water resistance wall construction: 5.000m3</i>	12.000	Tổng công ty XNK Xây dựng việt nam (VINACONEX)	12/2005 11/2006
4.	Thủy điện Hương Điền <i>Huong Dien Hydroelectric Plant</i>	- Tường mềm chống thấm/ <i>Waterproofing wall construction of upper & lower river section: 3.300m3</i>	8.500	Ban quản lý dự án Thủy điện Hương Điền <i>Huong Dien Hydroelectric plant PMU</i>	01/2007 9/2007
5.	Khu công nghiệp Thăng Long – Đông Anh - Hà Nội <i>Thang Long industrial park</i>	Thi công san nền và hạ tầng <i>Landfill & infrastructure work : 42.000 m3</i>	31.900	Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long <i>Thang Long industrial Park/ Co Ltd</i>	6/2004 10/2007
6.	Khu công nghiệp Thăng Long II <i>Thang Long industrial park II</i>	Thi công san nền và hạ tầng <i>Landfill & infrastructure work : 62.000 m3</i>	120.891	Công ty TNHH khu công nghiệp Thăng Long II <i>Thang Long industrial Park II Co Ltd</i>	8/2008 5/2009
7.	Dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng Hòa Lạc <i>Lang Hoa Lac extension and completion project</i>	- Xử lý nền đất yếu bằng cọc đất gia cố xi măng TC1P đến TC6P	6.271	Ban QLDA đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	7/2009 11/2009
8.	Đường cao tốc Hà Nội- Hải Phòng <i>Hanoi- Hai Phong highway</i>	- Thi công công tác đất, hệ thống thoát nước và cống hộp <i>Earthwork, Drainage system & Boxculvert</i>	126.452	Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam <i>Vietnam infrastructure development & financial investment corp</i>	3/2009 12/2010
9.	Đường Cao tốc Nội Bài Lào Cai <i>Noi Bai Lao Cai highway</i>	- Thi công công tác đất, hệ thống thoát nước và cống hộp <i>Earthwork, Drainage system & Boxculvert</i>	84.000	Công ty TNHH Keangnam <i>Keangnam co. Ltd</i>	7/2010 12/2012
10.	Dự án khai thác mỏ Núi Pháo <i>Nui Phap Mining Project</i>	- Thi công đào và đắp đập chứa đuôi quặng	457.229	Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo	2/2013 9/2014
11.	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm y tế tỉnh Thái Bình <i>Technical infrastructure of health centers in Thái Bình</i>	- Thi công xây lắp và hạ tầng kỹ thuật	75.054	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thái Bình	4/2013 8/2015
12.	Nhà quốc hội <i>Parliament House</i>	- Thi công cải tạo đường Bắc Sơn, hệ thống chiếu sáng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà, cảnh quan ngoài Nhà Quốc hội	92.594	Ban Quản lý dự án ĐTXD Nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình (mới)	11/2013 8/2014
13.	Cảng hàng không Cát Bi – Hải Phòng <i>Cat Bi airport – Hai Phong city</i>	- Thi công cọc gia cố xi măng D800mm/ Soil cement mixed column: 150.000 m	29.850	Công ty cổ phần Phúc Lộc <i>Phuc Loc JSC</i>	3/2014 02/2015

14.	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Dương Nội <i>Technical infrastructure of new urban area Duong Noi</i>	- Thi công hoàn thiện hệ thống đường nội bộ Phân khu A, B, C, D, E, K	25.213	Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội <i>Nam Cuong group</i>	01/2015 2016
15.	Đường bao phía Đông nam quận Hải An – Hải Phòng	- Thi công cọc gia cố xi măng D800mm/ Soil cement mixed column: 50.000 m	9.600	Công ty CP xây dựng công trình 568	3/2016 5/2016
16.	Khu công nghệ cao Hòa Lạc <i>Hoa Lac high technology zone</i>	- Thi công cọc gia cố xi măng D600mm/ Soil cement mixed column: 28.000 m	9.000	Công ty cổ phần VIMECO	3/2016 5/2016
17.	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi CJ Hà Nam	- Thi công hệ thống đường nội bộ, thoát nước mưa, nước thải	29.845	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại Sông Đà	11/2016 2017
18.	Xây dựng trung tâm giống lợn quốc tế Kỳ Phú	- Thi công san nền và đường giao thông	60.000	Công ty cổ phần giống chăn nuôi Miền Bắc	01/2016 2017
19.	Đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân- Cầu Giẽ, Thành phố Hà Nội,	Thi công khoan lấy mẫu phục vụ thí nghiệm kiểm tra chất lượng cọc đất gia cố XM D60mm: 1450m	507.500	Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật ALPHA	05/2017 11/2017
20.	Dự án đường bao biển Bãi Cháy - Hạ Long – Quảng Ninh. <i>Bai Chay – ha Long sea embankment project</i>	Thi công cọc đất gia cố XM D800mm: 120.000m	35.640	Tập đoàn Sungroup	09/2018 12/2018

E. THI CÔNG TẦNG HẦM, XÂY THÔ VÀ HOÀN THIỆN NHÀ CAO TẦNG -

UNDERGROUND FLOOR & FOUNDATION, COMPLETION OF HIGH BUILDING

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
1.	Nhà chung cư LICOGI13	Thi công xây dựng móng, tầng hầm, phần thân	165.138	Công ty cổ phần LICOGI13	2006-2008
2.	Trụ sở văn phòng và căn hộ cao cấp cho thuê LICOGI13	Thi công xây dựng phần thân	86.439	Công ty cổ phần LICOGI13	2010-2012
3.	Nhà ở cho CBCNV viện bỏng Lê Hữu Trác - HV quân Y <i>Apartment building for staff of National hospital for burned patients</i>	01 tầng hầm <i>Construction of 01 Underground floor</i> Diện tích xây dựng/Total construction area : 5.000 m2	76.668	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)	01/2010 10/2010
4.	Nhà ở phục vụ cán bộ chuyên viên cao cấp đương chức đang công tác tại các cơ quan Quốc hội <i>Apartment building for staffs working in National</i>	01 tầng hầm /01 Underground floor Diện tích xây dựng/Total construction area : 12.000 m2	106.564	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC	06/2011- 02/2012

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
	<i>Assembly's units - CT2A, CT2B, CT2C</i>			(SUDICO)	
5.	Nhà ở để bán kết hợp văn phòng và dịch vụ thương mại tại Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội <i>Apartment for sale, office & trade building.</i>	02 Tầng hầm/ 02 underground floors Diện tích xây dựng/Total construction area : 4.816 m2 Diện tích tầng hầm/Underground floor area : 9.632 m2	25.833	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam VIWASEEN	4/2011 4/2012
6.	Nhà chung cư cho cán bộ, chiến sỹ viện chiến lược và khoa học công an – Bộ công an và một số cơ quan khác của thành phố <i>Apartment for staff of policy and technology institute - Police ministry and other units of Hanoi</i>	02 Tầng hầm/ 02 underground floors Diện tích xây dựng/Total construction area : 2.300 m2 Diện tích tầng hầm/Underground floor area : 4.600 m2	65.817	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	10/2012 10/2013
7.	Nhà ở cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện 103 – Học viện Quân Y (Tòa CT01) <i>Apartment building for staffs of 103 Hospital - Military hospital academy</i>	01 tầng hầm /01 Underground floor Diện tích xây dựng/Total construction area :3.600 m2	84.860	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	01/2013 8/2013
8.	Nhà ở cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện 103 – Học viện Quân Y (Tòa CT01) <i>Apartment building for staffs of 103 Hospital - Military hospital academy</i>	Xây thô 14 căn nhà liền kề Khu NV1 Civil construction of 14 houses	11.463	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)</i>	10/2013 5/2015
9.	Nhà ở cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện 103 – Học viện Quân Y (Tòa CT02) <i>Apartment building for staffs of 103 Hospital - Military hospital academy</i>	Khoan cọc nhồi, 01 tầng hầm + xây thô, hoàn thiện /01 Underground floor Diện tích xây dựng/Total construction area :3.600 m2	207.579	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 <i>Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC(SUDICO)</i>	02/2013 4/2016

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
10.	Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa <i>Nghi Son thermal factory – Thanh Hoa</i>	Thi công xây lắp hạng mục / <i>Construction of A400, Zone 1 & Zone 2</i>	22.000	Công ty TNHH một thành viên xây dựng số 1 <i>Construction company No. 01 Co.Ltd</i>	10/2014 9/2015
11.	Nhà ở cho CBCNV Thông tấn xã Việt Nam <i>Vietnam News agency – Kim Van Kim Lu new urban area – Hoang Mai – Ha Noi</i>	Thi công tầng hầm, xây thô và hoàn thiện nhà CT1A, CT1B, CT1C	367.792	Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7 Song Da 7 urban & Industrial zone investment & development JSC (SUDICO)	6/2015 4/2017
12.	Nhà ở cao tầng kết hợp DVTM Summit building <i>Apartment and trade Summit buiding - 216 Trần Duy Hưng</i>	Thi công tầng hầm, phần thân, hoàn thiện <i>Construction of bored piles, underground floor and completion</i>	172.665	Công ty TNHH Hoa Phượng Thăng Long Hà Nội	5/2017 3/2018
13.	Nhà ở Văn Phú HIBRAND - Chung cư cao tầng H-CT2 - Khu đô thị Văn Phú - Hà Đông - Hà Nội <i>Van Phu HIBRAND apartment building – Van Phu new urban area – Ha Dong – Ha Noi.</i>	Thi công móng, tầng hầm, xây thô và hoàn thiện Toà A, Toà B <i>Construction of bored piles, underground floor and completion of Building A, B</i>	130.393	Tập đoàn CEN group	12/2016 06/2018
14.	Chung cư cao tầng CT3 - Khu đô thị mới Nghĩa Đô – Phường Cổ Nhuế, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội CT3 apartment building – <i>Bac Tu Liem – Ha Noi.</i>	Thi công kết cấu phần ngầm / <i>Construction of bored piles, underground floor</i>	50.700	Công ty Cổ phần Xây dựng và quản lý dự án số 1	11/2017
15.	Nhà ở 90 Nguyễn Tuân - Thanh Xuân, TP. Hà Nội <i>Apartment building 90 Nguyen Tuan – Thanh Xuan - Ha Noi</i>	Thi công phần ngầm, phần thân và hoàn thiện <i>Construction of piling work, underground floor and completion</i>	395.534	Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và khu công nghiệp Sông Đà 7	12/2017
16.	Hạ Long Ocean Park Plaza - Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long	Thi công phần thô và xây trát kết cấu Quảng Trường <i>Construction and plastering work of West gate square</i>	91.264	Công ty TNHH XDCN OLYMPIA	11/2017 10/2018

STT No	Tên công trình Projects	Công việc thực hiện Scope of work	Giá trị Amount (Million VND)	Đơn vị ký hợp đồng Partner	Thời gian Period
17.	Khu chung cư nhà ở xã hội- Khu công nghiệp Hòa Khánh (E2) Tại khu vực Vệt Kẹp DT602 và KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Thi công phần thân, điện nước... <i>Construction of and ME completion</i>	74.313	Công ty Cổ phần Địa Ốc Xanh Sài Gòn - Thuận Phước <i>Sai Gon – Thuan Phuoc green real estate JSC</i>	02/11/2017
18.	Khu chung cư nhà ở xã hội- Khu công nghiệp Hòa Khánh (E1) Tại khu vực Vệt Kẹp DT602 và KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Thi công phần thân, điện nước... <i>Construction of and ME completion</i>	64.158	Công ty Cổ phần Địa Ốc Xanh Sài Gòn- Thuận Phước <i>Sai Gon – Thuan Phuoc green real estate JSC</i>	21/3/2018
19.	Nhà ở kết hợp văn phòng cho thuê Số 92-94-96-98 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP Hà Nội <i>Apartment and office for rent – Nguyen Van Cu – Long Bien, Ha Noi</i>	Thi công cọc khoan nhồi và phần móng (XL06/LB) <i>Construction of bored piles and ground floor.</i>	11.126	Công ty TNHH Vận tải biển & Xuất nhập khẩu HTK	8/2018
20.	Cụm công trình Nhà ở tại Lô đất IA20 - Khu đô thị Nam Thăng Long, P. Đồng Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. <i>IA 20 apartment building – Nam Thang Long urban area – Bac Tu Liem – Ha Noi.</i>	- Cọc khoan nhồi , tường vây Nhà A2/ <i>Bored piles, diaphragm wall</i> - Thi công tầng hầm, xây thô, hoàn thiện và gói ME/ <i>Construction of underground and ME completion</i>	553.882	Công ty CP đầu tư bất động sản Đông Đô – BQP <i>Dong Do real estate JSC</i>	8/2017 12/2019
21.	Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ - TP. Móng Cái - Quảng Ninh <i>Tra Co high quality resort – Mong Cai city – Quang Ninh.</i>	Đầu tư, thi công xây dựng khách sạn 5 sao và khu biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp <i>Investment and construction of 5 stared hotel and villas</i>	1.500.000	Đồng Chủ đầu tư: Công ty TNHH Trung Chính, Công ty cổ phần LICOGI13	07/2018 12/2021

PHẦN 3

KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ, CHỨNG CHỈ CHẤT LƯỢNG
BUSINESS LICENSE, ISO 9001: 2008 CERTIFICATE, MACHINE
CALIBRATION, QUALITY CERTIFICATE OF TYPICAL PROJECTS



CERTIFICATE

THIS IS TO CERTIFY THAT THE QUALITY MANAGEMENT SYSTEM OF:

LICOGI 13 FOUNDATION CONSTRUCTION J.S.C

ADDRESS:

Licogi 13 building, Khuat Duy Tien, Nhan Chinh, Thanh Xuan, Ha Noi, Vietnam

HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2008

FOR SCOPE:

See the detail in the Decision 121009/QDCN-HTQL-ICB issued date 05 November 2012 by the Director of International Certification J.S.C./.

VICAS: 022 – QMS

Certification No.: 121009

Issued date: 05/11/2012

Expired date: 04/11/2015



NGUYỄN THANH TÙNG

Director

INTERNATIONAL CERTIFICATION J.S.C

Website: chungnhanquocte.vn

Email: cert@chungnhanquocte.vn

Office: 914, No 2, Phap Van Tu Hiep urban, Hoang Mai district, Ha Noi city, Vietnam





GAMUDA ENGINEERING SDN. BHD.

LICOGI13-Foundation Construction JSC
LICOGI13 building, Khuat Duy Tien, Thanh Xuan, Ha Noi, Viet Nam

Attn: **To Whom it may concern.**

REF: YEN SO PARK DEVELOPMENT PROJECT IN HANOI, VIETNAM.

CERTIFICATE OF SERVICE

Dear Sir/Madam,

Based on competitive bidding in which the key elements of method statement, schedule and pricing were considered, LICOGI13-Foundation Construction Joint Stock Company (LICOGI13-FC) was awarded the piling contract for the Yen So Park Development Project in Hanoi, Vietnam.

Working under high standards of quality and SHE procedures, LICOGI13's managers and staffs have finished the piling work of the project consisting of more than 3600 piling points (about 141 kilometers length of piles) on schedule in accordance with the project's requirements.

GAMUDA ENGINEERING SDN BHD highly appreciates LICOGI13-FC's capacity of machine, human resources as well as excellent cooperation during the construction period.

On behalf of GAMUDA ENGINEERING SDN BHD, I would like to thank LICOGI13-FC's managers and staffs. I believe that with their capability, LICOGI13-FC should be able to successfully complete many other big projects in the future.

May I wish LICOGI13-FC every success in all its future undertakings.





GAMUDA ENGINEERING SDN. BHD.

Công ty cổ phần LICOGI13-Nền móng xây dựng
Tòa nhà LICOGI13, đường Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Kính gửi: **Đến những ai quan tâm**

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN YÊN SỞ HÀ NỘI, VIỆT NAM

CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH THI CÔNG

Kính gửi các Ông/bà,

Với hồ sơ đấu thầu cạnh tranh, trong đó kỹ thuật thi công, tiến độ cùng với chi phí hợp lý là những nhân tố quan trọng để tuyển chọn nhà thầu, Công ty cổ phần LICOGI13-Nền móng xây dựng(LICOGI13-FC) đã được lựa chọn là nhà thầu chính thức thi công công tác đóng cọc của Dự án ĐTXD công viên Yên Sở tại Hà Nội, Việt Nam.

Với tiến độ thi công khẩn trương và theo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn lao động cao và đảm bảo môi trường, cán bộ nhân viên Công ty LICOGI13-FC đã thi công thành công công tác đóng cọc của dự án với hơn 3600 tim cọc (khoảng 141 km cọc) đúng tiến độ và đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của dự án. Công ty Gamuada Engineering Sdn. Bhd đánh giá cao năng lực làm việc, máy móc thiết bị và sự hợp tác toàn diện trong quá trình thi công dự án của công ty cổ phần LICOGI13-FC.

Thay mặt cho Gamuada Engineering Sdn Bhd, tôi xin trân thành cảm ơn tất cả cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần LICOGI13-FC. Với khả năng của mình, tôi tin rằng Công ty cổ phần LICOGI13-FC sẽ hoàn thành xuất sắc nhiều dự án khác trong tương lai. Chúc Quý công ty luôn gặt hái được nhiều thành công trong tương lai.



Gamuda Engineering Sdn Bhd, Hanoi Office :
Yen So Park - Km 1.5 Phap Van Road, Yen So Ward, Hoang Mai District, Hanoi, Vietnam
Tel: 84.4.3681 5208 / 84.4.3681 5209; Fax: 84.4.3681 5212



GE Energy Infrastructure
GE Energy Haiphong

Nomura Industrial Zone H1-H6
An Duong, Haiphong, Vietnam

Tel : (84-313) 743872
Fax: (84-313) 743626

Date: 12 August 2009
Contact: Gergo Lencses
Email: Gergo.lencses@ge.com

Attn: To Whom it may concern

CERTIFICATE OF SERVICE- LICOI 13 FC (Piling Contractor)

Dear Sir/ Madam,

LICOI-13 FC was appointed by GE Energy Haiphong as the supplier for piling works in the construction of our Wind Turbine Generator Manufacturing Facility located in the Nomura Industrial Zone of Haiphong City.

LICOI-13 FC was awarded the contract for piling works based upon competitive bidding in which technical ability, established processes and demonstrated success were considered along with pricing. The subject workscope was commenced on May 5, 2009 and completed August 15, 2009. Working under a condensed schedule and GE's high standards for EHS, quality and cost, LICOI-13 FC's managers and staff have excelled in the performance of the workscope by pressing more than 4000 piles (about 125 kilometer of piles) on schedule and in accordance with GE's technical requirements. We, GE Energy Haiphong, highly appreciate LICOI-13 FC's responsiveness and cooperation in dealing with unforeseen situations and changes during the construction process as well as the overall quality and schedule performance of their works.

On behalf of GE Energy Haiphong, I therefore take this opportunity to sincerely thank LICOI-13 FC's managers and staffs. I strongly believe that with professionalism and willing-to-challenge attitude, LICOI-13 FC is able to successfully complete many new projects with continued successful outcomes. We wish you every good luck and success in the future.

Yours truly,




Gergo Lencses
General Manager
GE Energy Haiphong



GE Energy Infrastructure
GE Energy Haiphong

Nomura Industrial Zone-H1-H6
An Duong Haiphong, Vietnam.
Tel: (84-313) 743872
Fax: (84-313) 743626
Ngày : 12 Tháng 8 năm 2009
Liên hệ: Gergo Lencses
Email: Gergo.Lencses@ge.com

Kính gửi: Đến những ai quan tâm

Chứng chỉ hoàn thành thi công Công ty cổ phần LICOGI13- Nền móng xây dựng

Kính gửi các Ông/bà,

Công ty cổ phần LICOGI13 - Nền móng xây dựng đã được GE Energy Haiphong lựa chọn là nhà cung cấp và thi công công tác ép cọc trong quá trình xây dựng Nhà máy sản xuất máy phát điện tua bin gió đặt tại Khu công nghiệp Nomura, Thành phố Hải Phòng.

Công ty LICOGI13-FC đã được lựa chọn cho phần cung cấp cọc và thi công ép cọc trên dựa vào hồ sơ đấu thầu cạnh tranh của mình, trong đó kỹ thuật thi công, tiến độ cùng với chi phí hợp lý đã tạo nên thành công đó. Công trình được chuẩn bị và bắt đầu từ ngày 5/5/2009 và kết thúc hoàn toàn vào ngày 15/08/2009. Với tiến độ thi công khẩn trương và theo tiêu chuẩn, chất lượng, chi phí vệ sinh an toàn lao động cao của GE, cán bộ nhân viên công ty LICOGI13-FC đã thi công thành công công tác cung cấp và ép cọc của dự án với hơn **4000 cọc (khoảng 125 km cọc)** đúng tiến độ (*trong vòng 63 ngày*) và đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của GE.

Chúng tôi, GE Energy Hải Phòng đánh giá cao sự phản ứng nhanh và hợp tác của Công ty LICOGI13-FC trong việc giải quyết các tình huống thay đổi bất thường trong quá trình thi công mà vẫn đảm bảo được chất lượng và tiến độ của dự án.

Thay mặt cho GE Energy Hải Phòng, tôi xin trân thành cảm ơn tất cả cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần LICOGI13-FC. Với trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và tinh thần sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thách thức, chúng tôi thực sự tin rằng Công ty cổ phần LICOGI13-FC sẽ có thể hoàn thành xuất sắc rất nhiều dự án khác. Chúng tôi chúc Quý công ty luôn gặp nhiều may mắn và thành công trong tương lai.

Kính thư

Gergo Lencses

Tổng giám đốc GE Energy Haiphong



GE Energy Infrastructure
GE Energy Haiphong

Nomura Industrial Zone H1-H6
An Duong, Haiphong, Vietnam

Tel : (84-313) 743872
Fax: (84-313) 743626

Date: 12 August 2009
Contact: Gergo Lencses
Email: Gergo.lencses@ge.com

Attn: To Whom it may concern

CERTIFICATE OF SERVICE- Mr. Lai Van Mac (Project Manager)

Dear Sir/ Madam,

LICOGI-13 FC was appointed by GE Energy Haiphong as the supplier for piling works in the construction of our Wind Turbine Generator Manufacturing Facility located in the Nomura Industrial Zone of Haiphong City.

LICOGI-13 FC was awarded the contract for piling works based upon competitive bidding in which technical ability, established processes and demonstrated success were considered along with pricing. Mr. LAI VAN MAC joined the Project as Project Manager for LICOGI-13 FC. The subject work scope was commenced on May 5, 2009 and completed August 15, 2009. During the tenure he was in charge of bid preparation, clarification, contract negotiations and site management. Working under a condensed schedule and GE's high standards for EHS, quality and cost, Mr. Mac have excelled in the performance of the work scope on schedule and in accordance with GE's technical requirements. We, GE Energy Haiphong, highly appreciate LICOGI-13 FC's responsiveness and cooperation in dealing with unforeseen situations and changes during the construction process as well as the overall quality and schedule performance of their works.

On behalf of GE Energy Haiphong, I take this opportunity to sincerely thank Mr. LAI VAN MAC. With professionalism and willing-to-challenge attitude, I strongly believe that Mr. Mac is able to successfully complete many new projects with continued successful outcomes. We wish you every good luck and success for the future.

Yours truly,




Lencses Gergo
General Manager
GE Energy Haiphong



GE Energy Infrastructure
GE Energy Haiphong

Nomura Industrial Zone-H1-H6
An Duong Haiphong, Vietnam.
Tel: (84-313) 743872
Fax: (84-313) 743626
Ngày: 12 Tháng 8 năm 2009
Liên hệ: Gergo Lencses
Email: Gergo.Lencses@ge.com

Kính gửi: Đến những ai quan tâm

Chứng chỉ hoàn thành thi công-Ông Lại Văn Mạc (Giám đốc dự án)

Công ty cổ phần LICOGI13 - Nền móng xây dựng đã được GE Energy Haiphong lựa chọn là nhà cung cấp và thi công công tác ép cọc trong quá trình xây dựng Nhà máy sản xuất máy phát điện tua bin gió đặt tại Khu công nghiệp Nomura, Thành phố Hải Phòng.

Công ty LICOGI13-FC đã được lựa chọn cho phần cung cấp cọc và thi công ép cọc trên dựa vào hồ sơ đấu thầu cạnh tranh của mình, trong đó kỹ thuật thi công, tiến độ cùng với chi phí hợp lý đã tạo nên thành công đó. Ông Lại Văn Mạc đã tham gia dự án với cương vị là Giám đốc dự án của Công ty cổ phần LICOGI13-FC. Công trình được chuẩn bị và bắt đầu từ ngày 5/5/2009 và kết thúc hoàn toàn vào ngày 15/08/2009. Trong quá trình đó, ông Mạc chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ thầu, làm rõ hồ sơ thầu, thương thảo hợp đồng và điều hành thi công dự án. Với tiến độ thi công khẩn trương và theo tiêu chuẩn, chất lượng, chi phí vệ sinh an toàn lao động cao của GE, ông Mạc đã điều hành thi công công tác cung cấp và ép cọc thành công theo đúng tiến độ cũng như đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật của GE.

Chúng tôi, GE Energy Hải Phòng đánh giá cao sự phản ứng nhanh và hợp tác của Công ty LICOGI13-FC trong việc giải quyết các tình huống thay đổi bất thường trong quá trình thi công mà vẫn đảm bảo được chất lượng và tiến độ của dự án.

Thay mặt cho GE Energy Hải Phòng, tôi xin trân thành cảm ơn ông Lại Văn Mạc. Với trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và tinh thần sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thách thức, chúng tôi thực sự tin rằng Ông Mạc sẽ có thể hoàn thành xuất sắc rất nhiều dự án khác. Chúng tôi chúc ông luôn gặp nhiều may mắn và thành công trong tương lai.

Kính thư

Gergo Lencses

Tổng giám đốc GE Energy Haiphong



Gentherm Vietnam Co., Ltd.
4&5 Avenue
Dong Van II Industrial Zone
Duy Tien District
Ha Nam Province, Vietnam
www.gentherm.com

Attn: To whom it may concern

SERVICE COMPLETION CERTIFICATE – LICOI13-FC (Piling Package)

Dear Sir/Madam,

LICOI 13 - Foundation Construction Joint Stock Company (LICOI13-FC) was appointed by **Gentherm Vietnam Company Ltd.** as the Piling Contractor of Gentherm Vietnam Greenfield Factory Project.

The service of Piling Contract commenced in September 2014 and completed in November 2014 includes 892 piles (approximate 139,000 meters length of piles). LICOI13-FC has successfully delivered quality results in terms of Gentherm's high standards for HSE, quality, cost while adhering to a tight & condensed schedule. We, Gentherm Vietnam, highly appreciate LICOI13-FC's responsibility and cooperation during the project process as well as the overall quality and performance of their services.

On behalf of Gentherm Vietnam, I would like to take this opportunity to sincerely thank LICOI13-FC's Project Manager and his staff for making the project a success. With their capacity, I strongly believe that LICOI13-FC will be able to complete successfully many other challenge projects in the future.

Yours truly,

Alison Astarita
General Manager
Gentherm Vietnam Company Ltd.

Ryan Gaul
Vice President, Business Development
Gentherm

INSPIRING EFFICIENCY